

Số: /TB-UBND

Triệu Lộc, ngày tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Để thực hiện Dự án Khu tái định cư Thành Đô, Bái Tràng, thôn Đại Sơn, xã Triệu Lộc phục vụ Dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc-Nam đoạn qua xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 266/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 18/3/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp, ủy quyền thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 14152/UBND-CNXXDKH của UBND tỉnh ngày 24/8/2025 về việc xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Triệu Lộc về việc phê duyệt dự án Khu tái định cư Thành Đô - Bái Tràng, thôn Đại Sơn, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án tại Tờ trình số 21/TTr-HĐGPMB ngày 23/3/2026.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Triệu Lộc thông báo:

Thu hồi đất để thực hiện GPMB dự án Khu tái định cư Thành Đô - Bái Tràng, thôn Đại Sơn, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính như sau:

1. Diện tích dự kiến thu hồi 16.658,8 m² đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân đang sử dụng tại xã Triệu Lộc, cụ thể như sau:

Tổng diện tích thực hiện dự án:	16.658,8 m²
- Đất hộ gia đình cá nhân:	10.926,9 m²
+ Đất ở nông thôn (ONT):	463,0 m ²
+ Đất trồng lúa còn lại (LUK):	6.883,5 m ²
+ Đất trồng lúa nước (LUC):	3.580,4 m ²
- Đất UBND xã quản lý, sử dụng:	5.731,9 m²
+ Đất trồng lúa còn lại (LUK):	2.897,2 m ²
+ Đất thủy lợi (DTL):	550,0 m ²
+ Đất giao thông (DGT):	2.195,1 m ²
+ Đất nghĩa địa (NTD):	89,6 m ²

(Kèm theo danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)

- Vị trí thu hồi đất: Theo mảnh trích đo địa chính số: 02/TĐĐC-2026, Trích đo tờ bản đồ địa chính tờ số 65, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (tương ứng tờ bản đồ số 6, xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc đo vẽ năm 2001) được Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa kiểm duyệt ngày 16/3/2026 để thực hiện dự án Khu tái định cư Thành Đô - Bái Tràng, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

2. Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu tái định cư Thành Đô - Bái Tràng, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Trong thời gian không quá 60 ngày kể từ ngày ký thông báo thu hồi đất.

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển và bố trí tái định cư (nếu có):

Bàn giao đất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại khu vực thực hiện dự án có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, UBND xã Triệu Lộc và các cơ quan, đơn vị thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản gắn liền với đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND xã Triệu Lộc thông báo để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như mục 4 TB;
- Các PTC UBND xã;
- Các thành viên HĐ BTGPMB dự án;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Việt

DANH SÁCH

KÈM THEO THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN GPMB

Dự án: khu tái định cư Thành Đô - Bái Tràng, thôn Đại Sơn, xã Triệu Lộc phục vụ Dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc-Nam đoạn qua xã Triệu Lộc.

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 3 năm 2026)

STT	Tờ B Đ trí ch đo số	Thủ a đất số	Tên người sử dụng, quản lý đất	Mã đối tượng SD quản lý đất	Hiện trạng sử dụng		
					Diện tích nguyên thửa (m ²)	Diện tích trong phạm vi dự án (m ²)	Loại đất
1	1	1	UBND xã Triệu Lộc	TCN	1550,6	19,5	LUK
2	1	2	UBND xã Triệu Lộc	TCN	1527,1	359,4	LUK
3	1	3	Hộ ông: Phạm Văn Oai	CNV	917,3	165,6	LUC
4	1	4	Hộ ông: Hoàng Đức Hạnh	CNV	1100,5	1100,5	LUC
5	1	5	Hộ ông: Đào Văn Thái	CNV	900,4	40,4	LUC
6	1	6	Hộ ông: Trịnh Khắc Dương	CNV	1650,4	1106,5	LUC
7	1	7	UBND xã Triệu Lộc	TCQ	1802,8	421,6	DGT
8	1	8	Hộ ông: Đông Văn Thúc	CNV	800,7	590,58	LUC
9	1	9	UBND xã Triệu Lộc	TCQ	1004,2	390,7	DTL
10	1	10	UBND xã Triệu Lộc	TCQ	3029,1	1748,3	DGT
11	1	11	Hộ ông: Hoàng Văn Tâm	CNV	1800,4	363,4	LUC
12	1	12	Hộ ông: Nguyễn Đình Duyên	CNV	46	46	LUK
13	1	13	Hộ ông: Đào Văn Hợi	CNV	62	62	LUK
14	1	14	Hộ ông: Hoàng Ngọc Vấn	CNV	58	58	LUK
15	1	15	Hộ ông: Hoàng Văn Cảnh	CNV	54	54	LUK
16	1	16	Hộ ông: Hoàng Văn Lưu	CNV	60	60	LUK
17	1	17	Hộ bà: Hoàng Thị Chung	CNV	50	50	LUK
18	1	18	Hộ bà: Nguyễn Thị Dung	CNV	50	50	LUK
19	1	19	Hộ bà: Mai Thị Thơ	CNV	50	50	LUK
20	1	20	Hộ ông: Trần Văn Thái	CNV	50	50	LUK
21	1	21	Hộ ông: Vũ Công Dân	CNV	75	75	LUK
22	1	22	Hộ ông: Vũ Minh Tiến	CNV	75	75	LUK
23	1	23	Hộ ông: Trịnh Thị Đạm	CNV	75	75	LUK
24	1	24	Hộ bà: Hoàng Thị Rạng	CNV	75	75	LUK
25	1	25	Hộ ông: Hoàng Văn Nhân	CNV	75	75	LUK

26	1	26	Hộ ông: Trịnh Văn Đức	CNV	75	75	LUK
27	1	27	Hộ ông: Vũ Văn Huỳnh	CNV	50	50	LUK
28	1	28	Hộ ông: Vũ Văn Nguyên	CNV	75	75	LUK
29	1	29	Hộ ông: Hoàng Văn Kiều	CNV	65	65	LUK
30	1	30	Hộ bà: Lê Thị Hiên	CNV	66	66	LUK
31	1	31	Hộ bà: Mai Thị Cẩm	CNV	120,5	120,5	LUK
32	1	32	Hộ ông: Trịnh Khắc Cật	CNV	125	125	LUK
33	1	33	Hộ ông: Lê Văn Chân	CNV	69,4	69,4	LUK
34	1	34	UBND xã Triệu Lộc	TCN	1589,1	1015,9	LUK
35	1	35	Hộ bà: Hoàng Thị Hiên	CNV	137	137	LUK
36	1	36	Hộ ông: Nguyễn Văn Mạnh	CNV	45	45	LUK
37	1	37	Hộ ông: Hoàng Văn Hạnh	CNV	70	70	LUK
38	1	38	Hộ bà: Nguyễn Thị Miêu	CNV	75	75	LUK
39	1	39	Hộ ông: Hoàng Sỹ Mây	CNV	45,5	45,5	LUK
40	1	40	Hộ bà: Hoàng Thị Yến	CNV	40	40	LUK
41	1	41	Hộ ông: Lê Văn Dũng	CNV	40	40	LUK
42	1	42	Hộ bà: Trần Thị Thùy	CNV	40	40	LUK
43	1	43	UBND xã Triệu Lộc	TCN	45	45	LUK
44	1	44	Hộ ông: Vũ Xuân Chiêu	CNV	45	45	LUK
45	1	45	Hộ ông: Hoàng Minh Chủ	CNV	109,9	109,9	LUK
46	1	46	Hộ ông: Hoàng Văn Tụ	CNV	45	45	LUK
47	1	47	Hộ ông: Hoàng Văn Thành	CNV	34,5	34,5	LUK
48	1	48	Hộ bà: Hoàng Thị Liễu	CNV	75	75	LUK
49	1	49	Hộ ông: Hoàng Văn Huệ	CNV	40	40	LUK
50	1	50	Hộ ông: Hoàng Văn Khải	CNV	49,5	49,5	LUK
51	1	51	Hộ ông: Vũ Văn Sự	CNV	40	40	LUK
52	1	52	Hộ bà: Vũ Thị Hoa	CNV	66	66	LUK
53	1	53	Hộ ông: Đặng Văn Hưng	CNV	36	36	LUK
54	1	54	Hộ ông: Lê Văn Quyền	CNV	48	48	LUK
55	1	55	UBND xã Triệu Lộc	TCN	137,8	137,8	LUK
56	1	56	Hộ ông: Hoàng Văn Long	CNV	40	40	LUK
57	1	57	Hộ ông: Hoàng Văn Thật	CNV	60	60	LUK
58	1	58	Hộ bà: Trịnh Thị Bi	CNV	45	45	LUK
59	1	59	Hộ ông: Hoàng Văn Trọng	CNV	55	55	LUK
60	1	60	Hộ bà: Lê Thị Hiên	CNV	66	66	LUK
61	1	61	Hộ ông: Hoàng Văn Quang	CNV	1000,5	213,4	LUC

62	1	62	UBND xã Triệu Lộc	TCN	1319,6	1319,6	LUK
63	1	63	Hộ ông: Hoàng Văn Tới	CNV	109,5	109,5	LUK
64	1	64	Hộ ông: Đặng Văn Oai	CNV	50	50	LUK
65	1	65	Hộ ông: Trần Duy Hưng	CNV	100	100	LUK
66	1	66	Hộ ông: Đào Thăng Long	CNV	100	100	LUK
67	1	67	Hộ bà: Hoàng Thị Ninh	CNV	100	100	LUK
68	1	68	Hộ ông: Hoàng Văn Tài	CNV	163	163	LUK
69	1	69	Hộ ông: Trần Thế Nhân	CNV	125,2	125,2	LUK
70	1	70	Hộ ông: Hoàng Sỹ Ban	CNV	124,9	124,9	LUK
71	1	71	Hộ ông: Bùi Văn Đức	CNV	106	106	LUK
72	1	72	Hộ ông: Hoàng Ngọc Dậu	CNV	125	125	LUK
73	1	73	Hộ ông: Vũ Đức Kênh	CNV	78	78	LUK
74	1	74	Hộ ông: Mai Văn Biên	CNV	94	94	LUK
75	1	75	Hộ ông: Đào ngọc Lanh	CNV	125	125	LUK
76	1	76	Hộ ông: Đào Xuân Luật	CNV	96	96	LUK
77	1	77	Hộ ông: Vũ Minh Chiến	CNV	99,4	99,4	LUK
78	1	78	Hộ ông: Mai Xuân Liên	CNV	125	125	LUK
79	1	79	Hộ ông: Trần Văn Bình	CNV	100	100	LUK
80	1	80	Hộ ông: Hoàng Sỹ Lơ	CNV	112	112	LUK
81	1	81	Hộ ông: Đông Văn Chinh	CNV	112	112	LUK
82	1	82	Hộ ông: Nguyễn Tiến Doanh	CNV	112	112	LUK
83	1	83	Hộ ông: Đào Văn Thái	CNV	112	112	LUK
84	1	84	Hộ ông: Nguyễn Hữu Hạnh	CNV	120	120	LUK
85	1	85	Hộ ông: Vũ Văn Tường	CNV	112	112	LUK
86	1	86	Hộ ông: Mai Văn Mơ	CNV	112	112	LUK
87	1	87	Hộ ông: Vũ Văn Hưng	CNV	113	113	LUK
88	1	88	Hộ ông: Hoàng Văn Hing	CNV	112	112	LUK
89	1	89	Hộ ông: Hoàng Văn Năm	CNV	100	100	LUK
90	1	90	Hộ ông: Hoàng Trung Tâm	CNV	66	66	LUK
91	1	91	Hộ ông: Đặng Văn Gia	CNV	50	50	LUK
92	1	92	Mộ Họ Vũ	TCN	216,5	89,6	NTD
93	1	93	Hộ ông: Vũ Hải Bình	CNV	25,4	25,4	LUK
94	1	94	Hộ ông: Đông Văn Thức	CNV	25,4	25,4	LUK
95	1	95	Hộ ông: Hoàng Văn Trục	CNV	20,6	20,6	LUK
96	1	96	Hộ ông: Vũ Ba	CNV	10,2	10,2	LUK
97	1	97	Hộ ông: Đào Ngọc Lãi	CNV	30,2	30,2	LUK
98	1	98	Hộ ông: Hoàng Văn kế	CNV	10	10	LUK
99	1	99	Hộ ông: Vũ Văn Quang	CNV	30,2	30,2	LUK
100	1	100	Hộ ông: Mai Văn Tập	CNV	30,2	30,2	LUK
101	1	101	Hộ ông: Hoàng Văn Quý	CNV	30,2	30,2	LUK
102	1	102	Hộ ông: Hoàng Văn Nghĩa	CNV	30,2	30,2	LUK
103	1	103	Hộ ông: Hoàng Văn Nghĩa	CNV	40	40	LUK
104	1	104	Hộ ông: Vũ Thăng Long	CNV	34	34	LUK
105	1	105	Hộ bà: Hoàng Thị Nọ	CNV	25,3	25,3	LUK
106	1	106	Hộ ông: Trịnh khắc Tài	CNV	25,2	25,2	LUK
107	1	107	Hộ ông: Hoàng Văn Quân	CNV	18	18	LUK

108	1	108	Hộ bà: Nguyễn Thị Chôm	CNV	20,4	20,4	LUK
109	1	109	Hộ ông: Hoàng Đức Từ	CNV	31	30,8	LUK
110	1	110	Hộ bà: Hoàng Thị Kính	CNV	28,2	28,2	LUK
111	1	111	Hộ ông: Đào Văn Hòe	CNV	40,2	40,2	LUK
112	1	112	Hộ ông: Hoàng Văn Thành	CNV	34,7	34,4	LUK
113	1	113	Hộ bà: Đào Thị Hoa	CNV	24,6	24,2	LUK
114	1	114	Hộ ông: Hoàng Văn Đại	CNV	40,2	40,2	LUK
115	1	115	Hộ ông: Đặng Văn Hải	CNV	30	29,1	LUK
116	1	116	Hộ ông: Vũ Văn Nguyên	CNV	25,2	24,2	LUK
117	1	117	Hộ ông: Hoàng Văn Thành	CNV	40,2	40,2	LUK
118	1	118	UBND xã Triệu Lộc	TCQ	246,7	159,3	DTL
119	1	119	Hộ ông: Mai Văn Tạc	CNV	27	25,8	LUK
120	1	120	Hộ ông: Hoàng Văn Chủ	CNV	30	30	LUK
121	1	121	Hộ bà: Hoàng Thị Hoa	CNV	25,2	23,9	LUK
122	1	122	Hộ ông: Hoàng Quốc Trị	CNV	40,2	40,2	LUK
123	1	123	Hộ ông: Hoàng Văn Hoàn	CNV	45	45	LUK
124	1	124	Hộ bà: Hoàng Thị Liên	CNV	10	10	LUK
125	1	125	Hộ bà: Lê Thị Duyên	CNV	111,8	109,3	LUK
126	1	126	Hộ bà: Đào Thị Hạnh	CNV	101,4	101,4	ONT
127	1	127	Hộ ông: Nguyễn Văn Lập	CNV	101,5	101,5	ONT
128	1	128	Hộ bà: Trần Thị Kiên	CNV	101,5	101,5	ONT
129	1	129	Hộ bà: Hoàng Thị Hương	CNV	101,6	86,8	ONT
130	1	130	Hộ bà: Vũ Thị Nghĩa	CNV	101,7	11,1	ONT
131	1	131	Hộ bà: Đào Thị Hoa	CNV	102,1	3,7	ONT
132	1	132	Hộ ông: Hoàng Văn Sỹ	CNV	130,5	1,8	ONT
133	1	133	Hộ ông: Trịnh Văn Quân	CNV	328,3	55,2	ONT
134	1	134	UBND xã Triệu Lộc	TCQ	590,6	25,2	DGT
Tổng					29189,2	16658,8	

Tổng diện tích thực hiện dự án:	16.658,8 m²
Trong đó	
- Đất hộ gia đình cá nhân:	10.926,9 m²
+ Đất ở nông thôn:	463,0 m ²
+ Đất trồng lúa còn lại (LUK):	6.883,5 m ²
+ Đất trồng lúa nước:	3.580,4 m ²
- Đất UBND xã quản lý, sử dụng:	5.731,9 m²
+ Đất trồng lúa còn lại (LUK):	2.897,2 m ²
+ Đất thủy lợi (DTL):	550,0 m ²
+ Đất giao thông (DGT):	2.195,1 m ²
+ Đất nghĩa địa (NTD):	89,6 m ² .